

Bản án số: 212/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08/7/2021.

Về việc: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Hùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Văn Chánh

2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Quỳnh Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Ngày 08 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1250/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 203/2021/QĐXX-ST ngày 22 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** ông **Trương Tấn L**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Thôn Vân Quật, xã DT, huyện D, tỉnh Quảng Nam.

**- Bị đơn:** bà **Trương Thị Tuyết H**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: D328, tổ 3, khu phố 4, phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Ông L và bà H cùng có đơn xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, ông Trương Tấn L, trình bày:

Ông và bà Trương Thị Tuyết H tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2010 tại UBND phường L, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau khi vợ sinh con và con bị bệnh chết thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau. Đến năm 2013 thì ông và bà H sống ly thân, bà H về sống với mẹ ruột tại TP. Biên Hòa đến nay không ai còn quan tâm

đến nhau nữa. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng không H phúc, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông L yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo nội dung bản tự khai ngày 28/5/2021, bà Trương Thị Tuyết H trình bày:

Bà và ông Trương Tấn L chung sống với nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Long Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng chung sống đến năm 2013 thì không H phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên cả hai đã ly thân từ 2013 cho đến nay, ông L sống ngoài quê Quảng Nam, còn bà sống với gia đình tại thành phố Biên Hòa, nên tình cảm vợ chồng đến nay không còn. Nay ông L yêu cầu được ly hôn, bà H đồng ý ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không có.

\* Quá trình giải quyết vụ án, ông L có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải; ông L và bà H đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt; nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Ông Trương Tấn L xin ly hôn với bà Trương Thị Tuyết H; nơi cư trú: D328, tổ 3, khu phố A, phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Đối với nguyên đơn ông Trương Tấn L và bị đơn bà Trương Thị Tuyết H đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Trương Tấn L và bà Trương Thị Tuyết H tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Biên Hòa (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 380 ngày 25/10/2010). Căn cứ Điều 131 Luật

Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, ông L nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà H là do vợ chồng không còn sống chung với nhau nhiều năm, nên tình cảm vợ chồng không còn; bà H cũng xác định do vợ chồng bất đồng quan điểm, cả hai đã ly thân từ 2013 cho đến nay, ông L sống ngoài quê Quảng Nam, còn bà sống với gia đình tại thành phố Biên Hòa, nên tình cảm vợ chồng đến nay không còn, do vậy bà H đồng ý ly hôn với ông L. Xét đây là ý chí tự nguyện của hai bên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, ông L có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải; ông L và bà H đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt; nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông L và bà H đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông L, giải quyết cho ông L được ly hôn với bà H.

[4] Về con chung: Ông Lộc và bà H đều xác định không có, nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Ông L và bà H xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Ông Trương Tấn L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 266, 271, 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 56, Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:*** Chấp nhận yêu cầu “Ly hôn” của ông Trương Tấn L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Tấn L được ly hôn với bà Trương Thị Tuyết H.

2. Về con chung: Không có, nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Ông Trương Tấn L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, theo biên lai thu số 0001364 ngày 18/5/2021.

5. Ông Trương Tấn L và bà Trương Thị Tuyết H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND TP Biên Hòa (1);
- THADS TP Biên Hòa (1);
- UBND **P. L, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai** (1);
- Đương sự (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (1);
- Lưu VP (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Trần Văn Hùng**